

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH K**

Bản án số: 25/2018/HSST

Ngày 12/10/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khánh Quân.

2. Ông BLong Hâm;

- Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo: Trần Văn K; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1981; tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn 4, xã K, huyện Đ, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị T; có vợ là Hoàng Thị A (đã ly hôn) và một con;

Tiền án: 01 tiền án; Tại bản án số: 04/2012/HSST ngày 10/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. đến ngày 23/10/2016 thì chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Phú N; Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

2. Chị Hoàng Thị Đ; Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Minh C; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.
2. Anh Tống Quang Đ; Địa chỉ: xã Đ, huyện N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn K là người nghiện ma túy, quen biết một đối tượng tên B (chưa rõ nhân thân lai lịch), sau khi ra tù năm 2016 tái nghiện lại, khi đi cùng với bạn nghiện mua ma túy của B, biết được Ba ở khu vực huyện K, tỉnh Q nên ngày 20/5/2018, K đón xe khách từ tỉnh T đến huyện K tìm gặp đối tượng tên B để mua ma túy về sử dụng, khi đến huyện K thì K có gặp một người đàn ông lái xe ôm (chưa rõ nhân thân lai lịch), K có hỏi “*Có biết Ba bán ma túy không?*” người này nói “*Có*” và chở K đến một bãi vàng khai thác trái phép thì gặp được B, K nói B bán cho 5.000.000đ (Năm triệu đồng) ma túy về sử dụng dần. B đồng ý và lấy đưa ra cho K một gói ni lông bên trong có chứa chất dạng cục bột màu trắng nói là hê rô in. Sau khi mua của B thì K lấy ra một ít ma túy đi bộ đến khu rừng gần đó, dùng kim tiêm và nước suối đã mua ở tiệm thuốc tây trước đó để chích ma túy vào người rồi cất số ma túy còn lại vào túi quần và tiếp tục ra đón xe khách đến tỉnh K chơi với họ hàng. Trưa ngày 24/5/2018, K đến chơi nhà anh Hoàng Phú N và chị Hoàng Thị Đ là anh chị vợ của K ở thôn 5, xã T, huyện Đ, sau đó K có mượn xe mô tô biển kiểm soát 82F1 - 03749 của anh Hoàng Phú N để đến nhà bạn ở xã Đ, huyện N chơi, K điều khiển xe đi đến cách nhà anh N khoảng 1 km thì nhặt được một túi ni lông màu đen ven đường, lúc này K thấy điện thoại và ví tiền trong túi quần mình có phần vướng và khó chịu nên đã lấy gói ni lông chứa ma túy trong túi quần đang mặc ra bỏ vào túi ni lông màu đen vừa nhặt được rồi kẹp vào gác ba ga xe, K tiếp tục điều khiển xe theo hướng Đ đi N, khi đến địa phận đường liên thôn thôn Đ - P, xã Đ thì bị lực lượng Công an huyện N phối hợp với Phòng chống tội phạm ma túy Bộ đội biên phòng tỉnh K yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật gồm.

+ 01 Xe mô tô biển kiểm soát 82F1 - 037.49 nhãn hiệu Sirius màu bạc, đen.

+ 01 Điện thoại di động hiệu BUK, màu đen, đồ số IMEL: 980028003188443 đã qua sử dụng.

+ 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng số IMEL: 863654036881738 đã qua sử dụng.

+ 01 Chứng minh nhân dân số: 091857599 mang tên Trần Văn K, cấp ngày 02/4/2011 do Công an tỉnh T cấp.

+ 01 Thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Trần Văn K.

+ Số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 63/KLGĐ ngày 26/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh K kết luận: Mẫu chất màu trắng, dạng cục thu được của Trần Văn K gửi giám định là ma túy, có khối lượng 18,2031gam (Mười tám phẩy hai không ba một gam) là hê rô in.

Bản cáo trạng số: 21/CT - VKS - HS ngày 16 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử đối với bị cáo Trần Văn K theo điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 06 đến 07 năm tù; Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong bên trong có chứa hêrôin;

Trả lại cho bị cáo Trần Văn K các vật chứng sau đây:

+ 01 Điện thoại di động hiệu BUK, màu đen, đồ số IMEL: 980028003188443 đã qua sử dụng.

+ 01 Điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng số IMEL: 863654036881738 đã qua sử dụng.

+ 01 Chứng minh nhân dân số: 091857599 mang tên Trần Văn K, cấp ngày 02/4/2011 do Công an tỉnh T cấp.

+ 01 Thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Trần Văn K.

+ Số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng.

Tại phiên tòa khi bị cáo thực hiện quyền được nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận đã vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 82F1 - 037.49 nhãn hiệu Sirius màu bạc, đen chủ sở hữu mang tên anh Hoàng Phú N, quá trình điều tra Công an huyện N đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho anh Hoàng Phú N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, Quyết định của cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình

sự; Bị cáo Trần Văn K không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi Quyết định của cơ quan và người Tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Bị cáo Trần Văn K đã thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, lời khai nhận tội của bị cáo khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các biên bản: Phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, niêm phong và kết luận giám định số: 63/KLGD ngày 26/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K đã thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép 18,2031 gam hê rô in của bị cáo Trần Văn K đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” định khung hình phạt tại điểm g (khối lượng hê rô in bị cáo tàng trữ trên 05 gam) và điểm o (Tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng số: 21/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, vì tính nguy hại của ma túy đối với con người và xã hội mà nhà nước nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tàng trữ trái phép chất ma túy, bản thân bị cáo là con nghiện, phải gánh chịu nặng nề về hậu quả và tác hại của ma túy không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe mà là nguyên nhân trực tiếp gây ra các bệnh xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, thế nhưng vì thỏa mãn cơn nghiện bị cáo vẫn ngang nhiên tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, gieo rắc hiểm họa và các tệ nạn xã hội cho người khác, trong khi toàn xã hội đang ra sức đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này và đã có nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền về tác hại của ma túy để mọi người phòng tránh, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe đối với loại tội phạm này, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về hình phạt: Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, truy tố theo điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự, có mức án từ 05 năm đến 10 năm tù là có căn cứ, vì khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ trên 05 gam (18,2031 gam), khi phạm tội bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, do đó bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố để xét xử theo điểm g, o khoản 2 Điều 249 có mức án từ 05 năm đến 10 năm tù là đúng quy định.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt. Tại Bản án số: 04/2012/HSST ngày 10/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 23/10/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày 24/5/2018 bị cáo phạm tội mới.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 63/GĐTP-2018” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH K” và có các chữ ký của Nguyễn Hàn N là mẫu vật hoàn lại sau giám định. Xét thấy đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu BUK màu đen đỏ, số IMEL: 980028003188443;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số IMEL 863654036881738.

- 01 Chứng minh nhân dân số: 091857599 mang tên Trần Văn K, cấp ngày 02/4/2011 do Công an tỉnh T cấp.

- 01 Thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Trần Văn K.

- Số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng.

Toàn bộ tài sản và giấy tờ nêu trên, sau khi cơ quan Điều tra tạm giữ, quá trình điều tra đã chứng minh, toàn bộ tài sản và giấy tờ mà cơ quan Điều tra thu giữ của bị cáo không liên quan gì đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82F1 - 037.49 nhãn hiệu Sirius màu bạc, đen chủ sở hữu là anh Hoàng Phú N, quá trình điều tra đã chứng minh, bị cáo mượn xe của anh N để thực hiện hành vi phạm tội, anh N hoàn toàn không biết, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho anh Hoàng Phú N là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với đối tượng tên B, bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra đã xác minh đối tượng này tại huyện K, tỉnh Q, tuy nhiên qua xác minh chưa xác định được đối tượng tên B như bị cáo khai, cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Q tiếp tục điều tra, xác minh đối tượng này, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn K nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo sớm trở về để lao động nuôi con và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm g, o khoản 2 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn K (Tên gọi khác: Không) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn K 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/5/2018.

4. Về vật chứng:

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 63/GĐTP-2018” Mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH K” và có các chữ ký của Nguyễn Hàn N là mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn K:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu BUK màu đen đỏ, số IMEL: 980028003188443;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số IMEL 863654036881738.

- 01 Chứng minh nhân dân số 091857599 mang tên Trần Văn K, cấp ngày 02/4/2011 do Công an tỉnh T cấp.

- 01 Thẻ ATM Ngân hàng A mang tên Trần Văn K.

- Số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng.

Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/8/2018 và Ủy nhiệm chi ngày 11/10/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện N, tỉnh K.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/10/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen